

Số: 80/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 19 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 điều 6 và khoản 3 điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn Đ, xã V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Mai Thị Th, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Đ, xã V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân T và chị Mai Thị Th tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H1 (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh ngày 07-3-2011. Nên hôn nhân giữa anh T và chị Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh T và chị Th sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh T và chị Th đã sống ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, anh T và chị Th đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không còn đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết, nên cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị. Xét thấy, việc anh T và chị Th thuận

tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị Th có 02 con chung là Đỗ Thị Xuân T1, sinh ngày 01-4-2010 và Đỗ Trung Ng, sinh ngày 20-5-2013. Hiện nay sức khỏe của hai con chung bình thường. Ly hôn, anh T và chị Th thỏa thuận giao 02 con chung là Đỗ Thị Xuân T1 và Đỗ Trung Ng cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên giữa anh T và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Th thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên giữa anh T và chị Th là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị Th thỏa thuận anh T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 11-4-2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân T và chị Mai Thị Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao 02 con chung là Đỗ Thị Xuân T1, sinh ngày 01-4-2010 và Đỗ Trung Ng, sinh ngày 20-5-2013 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh T và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị Th thỏa thuận anh T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0000580 ngày 27-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND TP. H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND xã V;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga